TRƯỜNG THCS&THPT NGUYỄN TẤT THÀNH **NĂM HỌC 2014-2015**

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HẾT HỌC KÌ II

KHỐI: 9 **MÔN: TIẾNG ANH**

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi số	Thi tại phòng học số	Ghi chú
900001	Đỗ Huyền An	07/06/2000	9A2	35	306	
900002	Từ Thiện An	23/03/2000	9A6	35	306	
900003	Chu Quang Anh	17/10/2000	9A4	35	306	
900004	Đào Mỹ Anh	30/09/2000	9A3	35	306	
900005	Đỗ Minh Anh	22/01/2000	9A6	35	306	
900006	Đỗ Quỳnh Anh	04/12/2000	9A4	35	306	
900007	Hoàng Việt Anh	18/03/2000	9A1	35	306	
900008	Khấu Vũ Bảo Anh	16/09/2000	9A2	35	306	
900009	Lê Thị Phương Anh	30/09/2000	9A3	35	306	
900010	Nguyễn Châu Anh	11/12/2000	9A4	35	306	
900011	Nguyễn Dương Quốc Anh	04/12/2000	9A1	35	306	
900012	Nguyễn Hà Anh	24/02/2000	9A6	35	306	
900013	Nguyễn Hồng Vân Anh	08/06/2000	9A5	35	306	
900014	Nguyễn Mạnh Tiến Anh	28/12/2000	9A2	35	306	
900015	Nguyễn Minh Anh	01/11/2000	9A3	35	306	
900016	Nguyễn Phú Anh	13/04/2000	9A6	35	306	
900017	Nguyễn Quang Anh	21/06/2000	9A2	35	306	
900018	Nguyễn Quang Anh	07/09/2000	9A2	35	306	
900019	Nguyễn Quỳnh Anh	05/05/2000	9A5	35	306	
900020	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	06/04/2000	9A6	35	306	
900021	Nguyễn Tú Anh	14/06/2000	9A6	35	306	
900022	Nguyễn Tuấn Anh	20/09/2000	9A6	35	306	
900023	Nguyễn Viết Anh	14/08/2000	9A3	35	306	
900024	Nguyễn Việt Anh	25/08/2000	9A3	35	306	
900025	Phạm Mai Phương Anh	02/10/2000	9A6	36	304	
900026	Phạm Ngọc Anh	23/02/2000	9A4	36	304	
900027	Trần Hồng Anh	17/11/2000	9A3	36	304	
900028	Trần Nhật Anh	05/02/2000	9A2	36	304	
900029	Trần Quang Anh	09/09/2000	9A6	36	304	
900030	Vũ Thị Quỳnh Anh	19/09/2000	9A2	36	304	
900031	Phạm Quang Gia Bảo	22/11/2000	9A6	36	304	
900032	Nguyễn Đức Bình	07/07/2000	9A6	36	304	
900033	Đậu Trần Minh Châu	16/12/2000	9A4	36	304	
900034	Lê Hà Minh Châu	24/08/2000	9A6	36	304	
900035	Nguyễn Minh Châu	17/10/2000	9A6	36	304	
900036	Trương Minh Châu	04/06/2000	9A3	36	304	
900037	Hoàng Vũ Đan Chi	28/01/2000	9A4	36	304	
900038	Ngô Thị Minh Chi	14/07/2000	9A5	36	304	
900039	Nguyễn Kim Chung	15/04/2000	9A6	36	304	
900040	Phạm Thái Cường	07/10/2000	9A1	36	304	
900041	Nguyễn Ngọc Diệp	24/11/2000	9A3	36	304	
900042	Trịnh Hoàng Ngọc Diệp	19/11/2000	9A5	36	304	
900043	Nguyễn Thùy Dung	21/07/2000	9A4	36	304	
900044	Ngô Hùng Dũng	19/05/2000	9A1	36	304	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi số	Thi tại phòng học số	Ghi chú
900045	Nguyễn Anh Dũng	19/05/2000	9A5	36	304	
900046	Hạ Bá Duy	10/01/2000	9A6	36	304	
900047	Hoàng Mạnh Duy	16/07/2000	9A1	36	304	
900048	Nguyễn Hoàng Duy	28/12/2000	9A6	36	304	
900049	Nguyễn Quang Duy	23/09/2000	9A5	37	303	
900050	Nguyễn Tôn Duy	06/09/2000	9A2	37	303	
900051	Lại Thị ái Duyên	25/01/2000	9A6	37	303	
900052	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	26/07/2000	9A5	37	303	
900053	Hồ Minh Tuấn Dương	26/08/2000	9A3	37	303	
900054	Lê Thùy Dương	09/11/2000	9A5	37	303	
900055	Nguyễn Ánh Dương	30/11/2000	9A5	37	303	
900056	Nguyễn Lê Thùy Dương	13/07/2000	9A2	37	303	
900057	Nguyễn Thái Dương	07/11/2000	9A1	37	303	
900058	Đỗ Xuân Đạt	01/11/2000	9A6	37	303	
900059	Phạm Minh Đạt	29/12/2000	9A4	37	303	
900060	Đỗ Đức Hồng Đăng	30/12/2000	9A1	37	303	
900061	Trịnh Phương Đông	17/07/2000	9A5	37	303	
900062	Bùi Việt Đức	01/06/2000	9A4	37	303	
900063	Đỗ Hữu Đức	06/02/2000	9A6	37	303	
900064	Đỗ Mạnh Đức	04/08/2000	9A1	37	303	
900065	Nguyễn Đình Đức	03/11/2000	9A1	37	303	
900066	Nguyễn Minh Đức	22/03/2000	9A4	37	303	
900067	Phạm Minh Đức	12/04/2000	9A1	37	303	
900068	Trương Minh Đức	19/08/2000	9A5	37	303	
900069	Vũ Công Đức	24/01/2000	9A4	37	303	
900070	Lưu Bình Giang	08/10/2000	9A4	37	303	
900071	Nguyễn Hương Giang	21/05/2000	9A4	37	303	
900072	Nguyễn Hương Giang	12/03/2000	9A6	37	303	
900073	Phạm Nguyệt Giang	30/05/2000	9A5	38	302	
900074	Phạm Trường Giang	20/12/2000	9A3	38	302	
900075	Đặng Phương Hà	23/07/2000	9A4	38	302	
900076	Lê Thái Hà	22/06/2000	9A2	38	302	
900077	Lê Vân Hà	28/12/2000	9A3	38	302	
900078	Nguyễn Hoàng Hà	11/10/2000	9A6	38	302	
900079	Nguyễn Thị Hải Hà	02/07/2000	9A4	38	302	
900080	Nguyễn Đức Hải	18/05/2000	9A2	38	302	
900081	Nguyễn Mạnh Hải	03/01/2000	9A3	38	302	
900082	Nguyễn Hồng Hạnh	29/01/2000	9A5	38	302	
900083	Phạm Hồng Hạnh	23/10/2000	9A4	38	302	
900084	Đặng Thị Thu Hằng	28/07/2000	9A4	38	302	
900085	Đỗ Thúy Hằng	25/03/2000	9A2	38	302	
900086	Nguyễn Minh Hiền	07/06/2000	9A2	38	302	
900087	Nguyễn Đức Hiển	28/11/2000	9A2	38	302	
900088	Phạm Gia Hiển	28/11/2000	9A6	38	302	
900089	Vũ Duy Hiển	13/09/2000	9A2	38	302	
900090	Bùi Hoàng Hiệp	14/04/2000	9A2	38	302	
900091	Dương Quang Hiếu	24/10/2000	9A6	38	302	
900092	Lê Trọng Hiếu	25/09/2000	9A4	38	302	
900093	Nguyễn Trung Hiếu	03/09/2000	9A2	38	302	
900094	Trần Chí Hiếu	23/08/2000	9A3	38	302	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi số	Thi tại phòng học số	Ghi chú
900095	Trần Minh Hiếu	24/11/2000	9A5	38	302	
900096	Vũ Phương Hoa	11/05/2000	9A2	38	302	
900097	Đỗ Minh Hoàn	18/11/2000	9A4	39	301	
900098	Lê Xuân Hoàng	15/10/2000	9A2	39	301	
900099	Nguyễn Thái Hoàng	22/06/2000	9A4	39	301	
900100	Vương Bảo Hoàng	13/06/2000	9A4	39	301	
900101	Bùi Anh Huy	11/08/2000	9A6	39	301	
900102	Nguyễn Đặng Quang Huy	20/01/2000	9A6	39	301	
900103	Nguyễn Hữu Huy	25/08/2000	9A5	39	301	
900104	Nguyễn Ngọc Đức Huy	20/11/2000	9A2	39	301	
900105	Phạm Minh Huy	07/10/2000	9A5	39	301	
900106	Hà Thanh Huyền	15/08/2000	9A6	39	301	
900107	Nguyễn Duy Hưng	15/03/2000	9A6	39	301	
900108	Nguyễn Việt Hưng	31/01/2000	9A1	39	301	
900109	Phạm Quang Hưng	08/11/2000	9A4	39	301	
900110	Bùi Nguyên Hương	13/10/2000	9A6	39	301	
900111	Lê Thanh Hương	29/06/2000	9A1	39	301	
900112	Tạ Diễm Hương	04/04/2000	9A4	39	301	
900113	Phạm Minh Khải	27/04/2000	9A2	39	301	
900114	Vũ Nam Khánh	18/10/2000	9A4	39	301	
900115	Nguyễn Duy Kiên	22/09/2000	9A4	39	301	
900116	Lý Thị Ngọc Lan	17/02/2000	9A3	39	301	
900117	Lê Doãn Tùng Lâm	22/03/2000	9A5	39	301	
900118	Nguyễn Hoàng Lâm	30/06/2000	9A4	39	301	
900119	Đỗ Hà Lê	18/05/2000	9A6	39	301	
900120	Bùi Thị Khánh Linh	18/08/2000	9A1	39	301	
900121	Đào Thùy Linh	08/03/2000	9A4	40	405	
900122	Đỗ Nhật Linh	28/10/2000	9A3	40	405	
900123	Hoàng Thu Linh	20/01/2000	9A5	40	405	
900124	Lã Thùy Linh	18/03/2000	9A6	40	405	
900125	Lê Thị Thùy Linh	17/09/2000	9A1	40	405	
900126	Nguyễn Gia Linh	21/12/2000	9A1	40	405	
900127	Nguyễn Giang Linh	09/03/2000	9A5	40	405	
900128	Nguyễn Phương Linh	01/08/2000	9A6	40	405	
900129	Nguyễn Phương Linh	23/09/2000	9A6	40	405	
900130	Nguyễn Vũ Tuấn Linh	29/07/2000	9A5	40	405	
900131	Nguyễn Vương Hoài Linh	14/11/2000	9A3	40	405	
900132	Phạm Bảo Linh	06/09/2000	9A5	40	405	
900133	Phạm Ngọc Mai Linh	15/10/2000	9A3	40	405	
900134	Phạm Thị Hiền Linh	29/05/2000	9A5	40	405	
900135	Phan Đặng Hoàng Linh	03/02/2000	9A1	40	405	
900136	Phan Hoài Linh	04/11/2000	9A4	40	405	
900137	Trần Kim Linh	21/11/2000	9A3	40	405	
900138	Vũ Khánh Linh	24/03/2000	9A6	40	405	
900139	Vương Việt Linh	16/07/2000	9A5	40	405	
900140	Chu Ngọc Khải Long	24/12/2000	9A1	40	405	
900141	Đinh Hải Long	01/10/2000	9A5	40	405	
900142	Nguyễn Hải Long	24/05/2000	9A5	40	405	
900143	Nguyễn Hải Long	08/05/2000	9A4	40	405	
900144	Nguyễn Hoàng Long	25/10/2000	9A1	40	405	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi số	Thi tại phòng học số	Ghi chú
900145	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	03/09/2000	9A4	41	405	
900146	Phạm Vũ Long	15/09/2000	9A2	41	405	
900147	Trần Cao Hoàng Long	23/04/2000	9A3	41	405	
900148	Trần Hải Long	17/07/2000	9A4	41	405	
900149	Trần Đức Lương	07/10/2000	9A1	41	405	
900150	Nhữ Thảo Ly	18/10/2000	9A1	41	405	
900151	Phùng Ngọc Lưu Ly	12/12/2000	9A1	41	405	
900152	Đặng Tiến Mạnh	03/02/2000	9A4	41	405	
900153	Lưu Quang Mạnh	07/07/2000	9A3	41	405	
900154	Phạm Như Mạnh	07/05/2000	9A5	41	405	
900155	Lê Thị Mây	20/03/2000	9A6	41	405	
900156	Bùi Quang Minh	06/08/2000	9A3	41	405	
900157	Đào Zamfirescu Petru Minh	15/04/2000	9A6	41	405	
900158	Nguyễn Đức Minh	05/09/2000	9A3	41	405	
900159	Nguyễn Đức Minh	31/08/2000	9A1	41	405	
900160	Nguyễn Ngọc Minh	26/07/2000	9A6	41	405	
900161	Nguyễn Nhật Minh	31/08/2000	9A5	41	405	
900162	Nguyễn Nhật Minh	13/11/2000	9A5	41	405	
900163	Nguyễn Văn Minh	05/10/2000	9A4	41	405	
900164	Phạm Ngọc Minh	16/12/2000	9A2	41	405	
900165	Phạm Quang Minh	16/04/2000	9A2	41	405	
900166	Trần Lê Minh	10/03/2000	9A5	41	405	
900167	Cao Hà My	05/09/2000	9A4	41	405	
900168	Nguyễn Hương My	06/02/2000	9A5	41	405	
900169	Trần Hà My	03/12/2000	9A3	42	503	
900170	Trịnh Hải My	03/02/2000	9A2	42	503	
900171	Đặng Phương Nam	18/11/2000	9A6	42	503	
900172	Đinh Hải Nam	08/03/2000	9A1	42	503	
900173	Đoàn Sĩ Nam	02/09/2000	9A5	42	503	
900174	Lê Khánh Nam	21/09/2000	9A2	42	503	
900175	Lê Khánh Nam	05/09/2000	9A2	42	503	
900176	Nguyễn Hải Nam	30/12/2000	9A1	42	503	
900177	Nguyễn Nhã Khánh Nam	05/02/2000	9A5	42	503	
900178	Vũ Phương Nam	04/10/2000	9A2	42	503	
900179	Nguyễn Thúy Nga	30/01/2000	9A6	42	503	
900180	Mai Kim Ngân	27/11/2000	9A3	42	503	
900181	Đào Khánh Ngọc	01/02/2000	9A5	42	503	
900182	Hoàng Bích Ngọc	04/10/2000	9A6	42	503	
900183	Hoàng Thị Bích Ngọc	21/03/2000	9A4	42	503	
900184	Trương Minh Nguyệt	11/08/2000	9A6	42	503	
900185	Đinh Thị Phương Nhi	23/11/2000	9A2	42	503	
900186	Nguyễn Trần Thủy Nhu	24/01/2000	9A5	42	503	
900187	Chu Thị Hồng Nhung	25/10/2000	9A1	42	503	
900188	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	10/01/2000	9A3	42	503	
900189	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	10/09/2000	9A2	42	503	
900190	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/11/2000	9A5	42	503	
900191	Nguyễn Thị Trang Nhung	10/09/2000	9A2	42	503	
900192	Bùi Vũ Lâm Phương	01/03/2000	9A5	42	503	
900193	Đinh Hà Phương	23/05/2000	9A2	43	504	
900194	Hoa Thu Phương	11/08/2000	9A3	43	504	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi số	Thi tại phòng học số	Ghi chú
900195	Lê Nguyên Phương	02/03/2000	9A3	43	504	
900196	Phạm Thu Phương	03/11/2000	9A3	43	504	
900197	Phan Hà Minh Phương	01/12/2000	9A5	43	504	
900198	Phạm Kim Phượng	18/09/2000	9A6	43	504	
900199	Đặng Hồng Quang	14/05/2000	9A4	43	504	
900200	Lê Hồng Quang	10/07/2000	9A5	43	504	
900201	Nguyễn Mạnh Quang	02/08/2000	9A1	43	504	
900202	Bùi Nhật Anh Quân	16/10/2000	9A2	43	504	
900203	Lương Anh Quân	09/09/2000	9A2	43	504	
900204	Phạm Công Quyền	13/07/2000	9A3	43	504	
900205	Nguyễn Thị Như Quỳnh	09/02/2000	9A3	43	504	
900206	Nguyễn Bá Sơn	23/02/2000	9A3	43	504	
900207	Nguyễn Vũ Thái Sơn	25/10/2000	9A3	43	504	
900208	Chu Minh Tâm	13/07/2000	9A3	43	504	
900209	Nguyễn Đức Tâm	14/10/2000	9A3	43	504	
900210	Trần Ngọc Tân	03/10/2000	9A1	43	504	
900211	Đào Trọng Lê Thái	24/09/2000	9A1	43	504	
900212	Lê Hoàng Thái	19/12/2000	9A4	43	504	
900213	Ngô Ngọc Thanh	26/12/2000	9A3	43	504	
900214	Nguyễn Chí Thanh	13/07/2000	9A2	43	504	
900215	Trương Giang Thanh	08/12/2000	9A4	43	504	
900216	Văn Thị Phương Thanh	07/07/2000	9A3	43	504	
900217	Vũ Thanh	27/07/2000	9A3	44	505	
900218	Bùi Tiến Thành	03/05/2000	9A4	44	505	
900219	Đoàn Văn Thành	31/05/2000	9A3	44	505	
900220	Nguyễn Viết Thành	14/08/2000	9A5	44	505	
900221	Bùi Phương Thảo	03/10/2000	9A2	44	505	
900222	Đỗ Hiền Thảo	26/08/2000	9A4	44	505	
900223	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/06/2000	9A2	44	505	
900224	Phạm Ngọc Thảo	19/12/2000	9A5	44	505	
900225	Nguyễn Quốc Thắng	11/07/2000	9A6	44	505	
900226	Trần Lưu Thịnh	27/09/2000	9A2	44	505	
900227	Cao Huy Thông	16/12/2000	9A2	44	505	
900228	Nguyễn Thanh Hoài Thu	20/11/2000	9A3	44	505	
900229	Chu Thị Ngọc Thủy	12/08/2000	9A3	44	505	
900230	Dương Ngọc Thủy	09/12/2000	9A4	44	505	
900231	Quách Thu Thủy	21/05/2000	9A3	44	505	
900232	Lê Anh Thư	19/11/2000	9A6	44	505	
900233	Nguyễn Minh Thư	23/02/2000	9A3	44	505	
900234	Nguyễn Kim Minh Thương	26/10/2000	9A2	44	505	
900235	Nguyễn Thủy Tiên	29/12/2000	9A6	44	505	
900236	Phạm Ngọc Tiến	16/10/2000	9A1	44	505	
900237	Nguyễn Minh Trà	21/12/2000	9A5	44	505	
900238	Đặng Hạnh Trang	29/11/2000	9A5	44	505	
900239	Đặng Thu Trang	13/01/2000	9A3	44	505	
900240	Đỗ Thu Trang	20/11/2000	9A2	44	505	
900241	Lê Quỳnh Trang	15/07/2000	9A2	45	603	
900242	Mai Nguyễn Thiên Trang	02/08/2000	9A5	45	603	
900243	Nguyễn Minh Trang	29/03/2000	9A3	45	603	
900244	Nguyễn Thùy Trang	15/01/2000	9A5	45	603	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi số	Thi tại phòng học số	Ghi chú
900245	Phạm Huyền Trang	24/12/2000	9A5	45	603	
900246	Vũ Thị Thu Trang	05/07/2000	9A3	45	603	
900247	Nguyễn Nữ Thanh Trân	04/12/2000	9A6	45	603	
900248	Lê Minh Triết	22/12/2000	9A1	45	603	
900249	Phan Nguyễn Hiền Trinh	01/05/2000	9A2	45	603	
900250	Đặng Chí Trung	07/08/2000	9A4	45	603	
900251	Lê Việt Trung	03/11/2000	9A2	45	603	
900252	Nguyễn Đức Trung	04/12/2000	9A4	45	603	
900253	Nguyễn Hoàng Trung	02/01/2000	9A1	45	603	
900254	Quách Ngọc Quốc Trung	13/04/2000	9A2	45	603	
900255	Lê Tuấn Tú	09/08/2000	9A3	45	603	
900256	Nguyễn Anh Tú	19/08/2000	9A5	45	603	
900257	Nguyễn Cẩm Tú	29/10/2000	9A4	45	603	
900258	Nguyễn Đình Tú	05/03/2000	9A4	45	603	
900259	Nguyễn Lâm Tú	23/10/2000	9A1	45	603	
900260	Nguyễn Thị Thanh Tú	04/12/2000	9A1	45	603	
900261	Ngũ Việt Tuấn	29/08/1998	9A2	45	603	
900262	Nguyễn Hữu Minh Tuấn	12/01/2000	9A3	45	603	
900263	Phạm Anh Tuấn	05/08/2000	9A6	45	603	
900264	Phan Quang Tuấn	13/11/2000	9A1	45	603	
900265	Trần Anh Tuấn	06/09/2000	9A1	46	602	
900266	Lưu Quang Tùng	17/01/2000	9A5	46	602	
900267	Trần Bảo Vân	09/12/2000	9A1	46	602	
900268	Trần Thanh Vân	30/10/2000	9A4	46	602	
900269	Võ Hà Vân	04/12/2000	9A6	46	602	
900270	Nguyễn Thảo Vi	29/08/2000	9A6	46	602	
900271	Nguyễn Tường Vi	31/05/2000	9A2	46	602	
900272	Đỗ Hoàng Việt	17/08/2000	9A3	46	602	
900273	Nguyễn Bá Vinh	07/04/2000	9A4	46	602	
900274	Nguyễn Thành Vinh	28/06/2000	9A3	46	602	
900275	Nguyễn Thành Vinh	12/02/2000	9A2	46	602	
900276	Phạm Quang Vinh	07/12/2000	9A6	46	602	
900277	Lưu Quang Vũ	03/08/2000	9A2	46	602	
900278	Ngô Anh Vũ	16/05/2000	9A6	46	602	
900279	Nguyễn Long Vũ	15/02/2000	9A5	46	602	
900280	Nguyễn Long Vũ	30/10/2000	9A2	46	602	
900281	Nguyễn Trường Vũ	14/01/2000	9A5	46	602	
900282	Trần Long Vũ	08/07/2000	9A4	46	602	
900283	Nguyễn Khánh Vy	05/11/2000	9A6	46	602	
900284	Nguyễn Trường Xuân	18/12/2000	9A1	46	602	
900285	Nguyễn Thị Hải Yến	03/02/2000	9A4	46	602	